



CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI NHỰA CHÂU ÂU (EUKING)

Địa chỉ: 68/8A Trần Tấn, Phường Tân Sơn Nhì, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại : 028.3849.3888 - 028.3849.7788

Hotline : 0903.170.009

BẢNG GIÁ HÀNG VẠN REN

(Price List)

Bảng giá áp dụng từ ngày 01 tháng 11 năm 2023

	NỐI THẮNG (coupling)	CO 90° (elbow 90)	TÊ ĐỀU (tee)	NÚT BỊT (compression plug)	VAN ĐỀU (pp compression ball valve)		NÁP CHỤP VAN		HỘP ĐỒNG HỒ
QUY CÁCH						QUY CÁCH		QUY CÁCH	
Ø 20mm	15.400	18.700	23.600	9.500	50.600	Ø 160mm	160.000	Nhựa PP loại cao cấp	260.000
Ø 25mm	22.700	24.500	32.600	11.700	81.800			Nhựa PP loại tiêu chuẩn	150.000
Ø 32mm	33.300	34.400	49.500	16.900	112.100			Nhựa PP xám	150.000
Ø 40mm	58.400	66.800	98.000	35.900	196.400			Thép	150.000
Ø 50mm	103.600	108.000	157.100	59.500	314.900				
Ø 63mm	159.000	174.200	261.200	99.400	520.500				
Ø 75mm	298.600	318.900	470.900	166.600	871.500				
Ø 90mm	376.100	433.700	617.900	203.500	1.263.000				
Ø 110mm	673.300	807.900	1.400.000	423.900	1.940.000				

BẢNG GIÁ HÀNG VẠN REN

(Price List)

	NỐI GIẢM (reducing coupling)	TÊ GIẢM (reducing tee)		NỐI REN NGOÀI (made adaptor)		NỐI REN TRONG (female adaptor)
QUY CÁCH			QUY CÁCH		QUY CÁCH	
Ø 25 x 20mm	21.100	38.100	Ø 20 x 1/2"	10.000	Ø 20 x 1/2"	13.700
Ø 32 x 20mm	33.500	48.500	Ø 20 x 3/4"	10.200	Ø 20 x 3/4"	13.700
Ø 32 x 25mm	33.500	48.500	Ø 20 x 1"	10.200	Ø 25 x 1/2"	21.000
Ø 40 x 20mm	46.200	88.900	Ø 25 x 1/2"	14.200	Ø 25 x 3/4"	19.400
Ø 40 x 25mm	47.300	88.900	Ø 25 x 3/4"	14.200	Ø 32 x 1"	26.800
Ø 40 x 32mm	51.800	88.900	Ø 25 x 1"	14.700	Ø 40 x 1.1/4"	44.100
Ø 50 x 25mm	71.400	132.800	Ø 32 x 3/4"	19.400	Ø 50 x 1.1/2"	78.500
Ø 50 x 32mm	72.600	132.800	Ø 32 x 1"	19.400	Ø 63 x 2"	124.700
Ø 50 x 40mm	85.200	142.800	Ø 40 x 1"	42.000	Ø 75 x 2.1/2"	181.900
Ø 63 x 25mm	101.900	210.000	Ø 40 x 1.1/4"	42.000	Ø 90 x 3"	285.000
Ø 63 x 32mm	107.700	210.000	Ø 40 x 1.1/2"	42.000		
Ø 63 x 40mm	121.300	219.500	Ø 50 x 1.1/2"	59.300		
Ø 63 x 50mm	140.600	229.400	Ø 50 x 2"	60.500		
Ø 75 x 50mm	272.700	371.900	Ø 63 x 1.1/2"	97.200		
Ø 75 x 63mm	305.700	398.500	Ø 63 x 2"	98.800		
Ø 90 x 50mm	311.900		Ø 75 x 2"	169.600		
Ø 90 x 63mm	311.900	603.800	Ø 75 x 2.1/2"	176.000		
Ø 90 x 75mm	347.100	603.800	Ø 90 x 2.1/2"	205.900		
Ø 110 x 90mm	612.300		Ø 90 x 2"	205.900		
Ø 110 x 90mm			Ø 90 x 3"	205.900		

			Ø 110 x 4"	362.300	
--	--	--	------------	---------	--

BẢNG GIÁ HÀN VẶN REN





	CÚT REN TRONG (female elbow)	CÚT REN NGOÀI (male elbow)	TÊ REN TRONG (female tee)	TÊ REN NGOÀI (male tee)	NỐI MỘT ĐẦU BÍCH (flanged adaptor)
QUY CÁCH					
Ø 20 x 1/2"	14.300	12.300	23.600	22.500	
Ø 20 x 3/4"		12.300		-	
Ø 25 x 1/2"	22.100	15.800	32.700	31.700	
Ø 25 x 3/4"	22.100	15.800	32.700	31.700	
Ø 25 x 1"		17.900		-	
Ø 32 x 1/2"	29.400			-	
Ø 32 x 3/4"	29.400			44.100	
Ø 32 x 1"	26.300	22.100	44.100	44.100	
Ø 40 x 1"	52.000		86.100	-	
Ø 40 x 1.1/4"	47.300	47.900	86.100	84.000	
Ø 50 x 1.1/4"	86.100		131.300	-	
Ø 50 x 1.1/2"	86.100	67.200	131.300	120.800	
Ø 63 x 1.1/2"	141.800		201.600	-	
Ø 63 x 2"	141.800	109.200	201.600	189.000	646.500
Ø 75 x 2.1/2"	256.000	104.400	281.600	239.200	760.100
Ø 90 x 3"	391.900	145.300	440.200	383.900	1.099.500
Ø 110 x 4"	724.500	556.500	861.000	787.500	1.630.800

BẢNG GIÁ ĐAI KHỞI THỦY DÙNG CHO ỐNG HDPE CỎ REN NHỰA (single camp saddle with inox)








	Bulong inox		Bulong inox		Bulong inox		Bulong inox
QUY CÁCH		QUY CÁCH		QUY CÁCH		QUY CÁCH	
Ø 25mm x 1/2"	30.500	Ø 90mm x 1/2"	137.500	Ø 140mm x 1"	262.000	Ø 200mm x 1.1/2"	500.500
Ø 25mm x 3/4"	30.500	Ø 90mm x 3/4"	137.500	Ø 140mm x 1.1/4"	242.000	Ø 200mm x 2"	500.500
Ø 32mm x 1/2"	35.800	Ø 90mm x 1"	137.500	Ø 140mm x 1.1/2"	242.000	Ø 220mm x 1/2"	500.500
Ø 32mm x 3/4"	35.800	Ø 90mm x 1.1/4"	137.500	Ø 140mm x 2"	242.000	Ø 220mm x 3/4"	500.500
Ø 32mm x 1"	35.800	Ø 90mm x 1.1/2"	137.500	Ø 160mm x 1/2"	242.000	Ø 220mm x 1"	500.500
Ø 40mm x 1/2"	63.500	Ø 90mm x 2"	137.500	Ø 160mm x 3/4"	242.000	Ø 220mm x 1.1/4"	511.500
Ø 40mm x 3/4"	63.500	Ø 110mm x 1/2"	154.000	Ø 160mm x 1"	242.000	Ø 220mm x 1.1/2"	511.500
Ø 40mm x 1"	63.500	Ø 110mm x 3/4"	154.000	Ø 160mm x 1.1/4"	253.000	Ø 220mm x 2"	511.500
Ø 50mm x 1/2"	93.500	Ø 110mm x 1"	154.000	Ø 160mm x 1.1/2"	253.000	Ø 225mm x 1/2"	522.500
Ø 50mm x 3/4"	93.500	Ø 110mm x 1.1/4"	159.500	Ø 160mm x 2"	253.000	Ø 225mm x 3/4"	522.500
Ø 50mm x 1"	93.500	Ø 110mm x 1.1/2"	159.500	Ø 180mm x 1/2"	440.000	Ø 225mm x 1"	522.500
Ø 63mm x 1/2"	96.800	Ø 110mm x 2"	159.500	Ø 180mm x 3/4"	440.000	Ø 225mm x 1.1/4"	522.500
Ø 63mm x 3/4"	96.800	Ø 114mm x 1/2"	154.000	Ø 180mm x 1"	440.000	Ø 225mm x 1.1/2"	522.500
Ø 63mm x 1"	96.800	Ø 114mm x 3/4"	154.000	Ø 180mm x 1.1/4"	451.000	Ø 225mm x 2"	522.500
Ø 75mm x 1/2"	91.300	Ø 125mm x 3/4"	205.000	Ø 180mm x 1.1/2"	451.000	Ø 280mm x 1/2"	690.000

Ø 75mm x 3/4"	91.300	Ø 125mm x 1/2"	205.000	Ø 180mm x 2"	451.000	Ø 280mm x 3/4"	690.000
Ø 75mm x 1"	91.300	Ø 125mm x 1"	238.000	Ø 200mm x 1/2"	495.000	Ø 280mm x 1"	690.000
Ø 75mm x 1.1/4"	92.000	Ø 125mm x 1.1/2"	198.000	Ø 200mm x 3/4"	495.000	Ø 315mm x 3/4"	1.090.000
Ø 75mm x 1.1/2"	92.000	Ø 125mm x 2"	198.000	Ø 200mm x 1"	495.000	Ø 315mm x 2"	1.090.000
		Ø 140mm x 3/4"	242.000	Ø 200mm x 1.1/4"	500.500		

BẢNG GIÁ ĐẠI KHỐI THỦY DÙNG CHO ỐNG HDPE & PVC CỎ REN ĐỒNG
(single clamp saddle with inox bolt - brass)


	Bulong inox		Bulong inox		Bulong inox		Bulong inox
QUY CÁCH		QUY CÁCH		QUY CÁCH		QUY CÁCH	
Ø 40mm x 1/2"	93.500	Ø 75mm x 1"	157.700	Ø 125mm x 1/2"	269.500	Ø 177mm x 1/2"	426.000
Ø 40mm x 3/4"	93.500	Ø 90mm x 1/2"	147.400	Ø 125mm x 3/4"	269.500	Ø 177mm x 3/4"	426.000
Ø 40mm x 1"	93.500	Ø 90mm x 3/4"	147.400	Ø 125mm x 1"	302.500	Ø 177mm x 1"	462.000
Ø 49mm x 3/4"	118.800	Ø 90mm x 1"	180.400	Ø 140mm x 1/2"	290.000	Ø180mm x 1/2"	444.800
Ø 50mm x 1/2"	118.800	Ø 110mm x 1/2"	185.000	Ø 140mm x 3/4"	290.000	Ø180mm x 3/4"	444.800
Ø 50mm x 3/4"	118.800	Ø 110mm x 3/4"	185.000	Ø 140mm x 1"	327.000	Ø180mm x 1"	462.000
Ø 60mm x 1/2"	128.000	Ø 110mm x 1"	218.000	Ø 160mm x 1/2"	279.000	Ø200mm x 1/2"	533.000
Ø 60mm x 3/4"	128.000	Ø 114mm x 1/2"	185.000	Ø 160mm 3/4"	279.000	Ø 200mm x 3/4"	533.000
Ø 63mm x 1/2"	128.000	Ø 114mm x 3/4"	185.000	Ø 160mm x 1"	327.000	Ø 200mm x 1"	560.000
Ø 63mm x 3/4"	128.000	Ø 114mm x 1"	218.000	Ø 168mm x 1/2"	279.000	Ø 220 - 225 mm x 1/2"	550.000
Ø 63mm x 1"	159.500	Ø 121mm x 1/2"	269.500	Ø 168mm 3/4"	279.000	Ø 220 - 225 mm x 3/4"	550.000
Ø 75mm x 1/2"	140.000	Ø 121mm x 3/4"	269.500	Ø 168mm x 1"	327.000	Ø 220 - 225 mm x 1"	580.000
Ø 75mm x 3/4"	140.000	Ø 121mm x 1"	302.500			Ø 280mm x 3/4"	720.000

BẢNG GIÁ HÀNG HẠN ĐỐI ĐẦU PN10

	Chếch 45° (butt fusion Elbow45°)	Cút 90° (Butt fusion elbow 45°)	Tê Đều (butt fusion equal tee)	Nút Bịt (butt fusion end cap)	Đầu Bích (butt fusion flange adapter)	Đại sửa chữa (repair clamp saddle)	Gioăng Bích (rubber flange)	
QUY CÁCH								
Ø 63mm	48.343	49.800	79.182	45.000	43.098	550.000	13.320	
Ø 75mm	75.672	84.720	115.000	32.600	61.600	602.328	13.480	
Ø 90mm	99.952	99.500	157.175	50.109	76.939	667.692	13.800	
Ø 110mm	138.248	152.000	226.100	65.412	94.900	836.104	14.280	
Ø 125mm	203.400	255.000	345.400	145.115	197.000	1.302.532	14.600	
Ø 140mm	298.300	406.800	554.685	293.000	235.000	1.755.600	16.420	
Ø 160mm	350.962	379.800	524.400	190.827	226.200	1.567.200	16.520	
Ø 180mm	678.100	858.800	1.084.900	345.866	406.900	2.780.000	update	
Ø 200mm	542.844	820.300	1.100.000	291.051	433.900	2.027.264	update	
Ø 225mm	893.700	1.366.116	1.827.300	542.400	524.400	2.434.904	update	
Ø 250mm	1.149.088	1.446.500	1.808.200	654.505	614.800	3.184.192	update	











	Chếch 45⁰ (butt fusion Elbow45°)	Cút 90⁰ (Butt fusion elbow 45°)	Tê Đều (butt fusion equal tee)	Nút Bịt (butt fusion end cap)	Đầu Bích (butt fusion flange adapter)	Đai sửa chữa (repair clamp saddle)	Gioăng Bích (rubber flange)		
Ø 280mm	1.802.772	2.368.884	3.730.699	958.731	994.600	9.100.000	update		
Ø 315mm	1.792.540	2.278.843	3.965.841	1.091.183	1.120.475	4.617.000	update		
Ø 355mm	2.821.243	3.552.786	5660796	1.682.800	1.692.809	9.350.000	update		
Ø 400mm	3.254.600	4.717.685	6.780.500	2.272.560	1.903.357	11.500.000	update		
Ø 450mm	9.040.600	12.656.800	18.081.000	3.164.300	2.659.039	24.500.000	update		
Ø 500mm	12.656.800	16.272.900	21.697.200	4.158.600	3.661.583	27.800.000	update		
Ø 560mm	17.176.900	23.505.400	37.970.200	5.424.400	5.292.416		update		
Ø 630mm	21.697.200	32.545.800	38.874.200	6.237.900	6.155.658		update		
Ø 710mm	38.500.008	62.500.000	70.200.000	14.200.000	14.093.089		update		
Ø 800mm	51.200.000	77.000.000	100.000.000	18.000.000	15.099.230		update		
	CÔN THU (Butt fusion reducer)		CÔN THU (Butt fusion reducer)		CÔN THU (Butt fusion reducer)		CÔN THU (Butt fusion reducer)		CÔN THU (Butt fusion reducer)
QUY CÁCH		QUY CÁCH		QUY CÁCH		QUY CÁCH		QUY CÁCH	
Ø 75 x 50	45.500	Ø 180 x 63	593.000	Ø 250 x 180	1.080.500	Ø 355 x 315	2.726.108	Ø 500 x 450	6.500.000
Ø 75 x 63	58.624	Ø 180 x 75	613.000	Ø 250 x 200	837.280	Ø 400 x 160	2.142.600	Ø 560 x 315	4.950.000
Ø 90 x 50	54.207	Ø 180 x 90	623.800	Ø 250 x 225	980.162	Ø 400 x 200	3.360.116	Ø 560 x 355	5.100.000
Ø 90 x 63	60.380	Ø 180 x 110	630.520	Ø 280 x 110	1.356.100	Ø 400 x 225	2.727.138		
Ø 90 x 75	67.140	Ø 180 x 125	664.260	Ø 280 x 125	1.356.100	Ø 400 x 250	2.557.316		
Ø 110 x 50	85.180	Ø 180 x 140	758.343	Ø 280 x 140	1.400.000	Ø 400 x 280	2.451.800		
Ø 110 x 63	80.003	Ø 180 x 160	804.108	Ø 280 x 160	1.401.400	Ø 400 x 315	2.726.932		
Ø 110 x 75	91.118	Ø 200 x 50	313.012	Ø 280 x 180	1.450.000	Ø 400 x 355	2.907.832		
Ø 110 x 90	93.021	Ø 200 x 63	317.044	Ø 280 x 200	1.537.000	Ø 450 x 110	6.147.600		
Ø 125 x 63	159.227	Ø 200 x 75	326.188	Ø 280 x 225	1.627.300	Ø 450 x 160	6.509.160		
Ø 125 x 75	175.530	Ø 200 x 90	336.440	Ø 280 x 250	1.717.800	Ø 450 x 200	6.509.600		
Ø 125 x 90	178.433	Ø 200 x 110	326.400	Ø 315 x 110	985.848	Ø 450 x 225	6.600.000		
Ø 125 x 110	180.900	Ø 200 x 125	445.000	Ø 315 x 160	1.175.508	Ø 450 x 250	7.232.400		
Ø 140 x 63	222.736	Ø 200 x 140	475.500	Ø 315 x 180	1.302.000	Ø 450 x 280	7.232.400		
Ø 140 x 75	247.136	Ø 200 x 160	379.800	Ø 315 x 200	1.537.000	Ø 450 x 315	7.300.000		
Ø 140 x 90	281.739	Ø 200 x 180	945.104	Ø 315 x 225	1.200.000	Ø 450 x 355	8.136.500		
Ø 140 x 110	317.942	Ø 225 x 110	671.708	Ø 315 x 250	1.898.500	Ø 450 x 400	8.136.500		
Ø 140 x 125	340.545	Ø 225 x 125	774.324	Ø 315 x 280	2.012.852	Ø 500 x 200	4.158.600		
Ø 160 x 63	187.300	Ø 225 x 160	695.288	Ø 355 x 110	1.747.518	Ø 500 x 225	4.158.600		
Ø 160 x 75	179.000	Ø 225 x 180	904.168	Ø 335 x 160	1.928.548	Ø 500 x 250	4.276.100		
Ø 160 x 90	186.200	Ø 225 x 200	800.200	Ø 335 x 200	2.110.275	Ø 500 x 315	4.339.500		
Ø 160 x 125	239.460	Ø 250 x 110	704.740	Ø 355 x 225	2.148.184	Ø 500 x 355	9.203.300		
Ø 160 x 140	452.000	Ø 250 x 160	732.823	Ø 355 x 250	2.436.293	Ø 500 x 400	5.700.000		
	CÔN THU (Butt fusion reducer)		CÔN THU (Butt fusion reducer)		TÊ GIẢM (Butt fusion Equal tee)		TÊ GIẢM (Butt fusion Equal tee)		TÊ GIẢM (Butt fusion Equal tee)
QUY CÁCH		QUY CÁCH		QUY CÁCH		QUY CÁCH		QUY CÁCH	
Ø 560 x 400	5.200.000	Ø 800 x 250	36.500.000	Ø 75 x 50	84.028	Ø 160 x 50	381.088	Ø 225 x 63	1.228.930
Ø 560 x 450	5.300.000	Ø 800 x 315	37.200.000	Ø 75 x 63	96.580	Ø 160 x 63	430.500	Ø 225 x 90	1.245.646

Ø 560 x 500	5.400.000	Ø 800 x 355	38.600.000	Ø 90 x 50	121.628	Ø 160 x 75	435.000	Ø 225 x 110	1.277.700
Ø 630 x 200	13.560.700	Ø 800 x 400	39.600.000	Ø 90 x 63	125.579	Ø 160 x 90	405.000	Ø 225 x 125	1.300.000
Ø 630 x 250	14.916.800	Ø 800 x 450	41.000.000	Ø 90 x 75	139.760	Ø 160 x 110	421.200	Ø 225 x 160	1.985.000
Ø 630 x 315	15.000.000	Ø 800 x 500	42.600.000	Ø 110 x 40	149.760	Ø 160 x 125	816.056	Ø 225 x 200	1.471.900
Ø 630 x 355	15.000.000	Ø 800 x 560	45.000.000	Ø 110 x 50	172.700	Ø 160 x 140	887.000	Ø 250 x 63	1.479.100
Ø 630 x 400	10.500.000	Ø 800 x 630	46.400.000	Ø 110 x 63	181.330	Ø 180 x 90	953.800	Ø 250 x 75	1.446.500
Ø 630 x 450	10.500.000	Ø 800 x 710	61.200.000	Ø 110 x 75	189.900	Ø 180 x 110	958.300	Ø 250 x 90	1.446.500
Ø 630 x 500	11.000.000	Ø 900 x 800	72.900.000	Ø 110 x 90	197.000	Ø 180 x 160	1.550.000	Ø 250 x 110	1.292.954
Ø 630 x 560	10.500.000	Ø 1000 x 800	86.400.000	Ø 125 x 63	355.500	Ø 200 x 63	600.000	Ø 250 x 125	1.300.000
Ø 710 x 250	26.300.000	Ø 1000 x 900	82.200.000	Ø 125 x 75	364.000	Ø 200 x 75	710.000	Ø 250 x 160	1.703.491
Ø 710 x 315	26.900.000	Ø 1200x800	149.800.000	Ø 125 x 90	306.400	Ø 200 x 90	821.568	Ø 250 x 200	2.011.826
Ø 710 x 355	27.900.000	Ø 1200x1000	146.800.000	Ø 125 x 110	386.000	Ø 200 x 110	890.000	Ø 250 x 225	2.192.129
Ø 710 x 400	28.800.000			Ø 140 x 63	547.900	Ø 200 x 125	1.559.375	Ø 280 x 110	2.500.000
Ø 710 x 450	30.900.000			Ø 140 x 75	569.600	Ø 200 x 140	1.680.686	Ø 280 x 125	2.879.760
Ø 710 x 500	33.400.000			Ø 140 x 90	657.200	Ø 200 x 160	1.100.000	Ø 280 x 140	2.727.316
Ø 710 x 560	34.900.000			Ø 140 x 110	689.800	Ø 200 x 180	1.533.883	Ø 280 x 160	3.713.325
Ø 710 x 630	36.500.000			Ø 140 x 125	754.211	Ø 225 x 63	1.271.700	Ø 280 x 200	4.384.568
				Ø 180 x 125	1.250.000	Ø 225 x 75	1.283.400	Ø 280 x 225	4.292.876

	TÊ GIÂM (Butt fusion Equal tee)		TÊ GIÂM (Butt fusion Equal tee)		TÊ GIÂM (Butt fusion Equal tee)		TÊ GIÂM (Butt fusion Equal tee)		TÊ GIÂM (Butt fusion Equal tee)
QUY CÁCH		QUY CÁCH		QUY CÁCH		QUY CÁCH		QUY CÁCH	
Ø 280 x 250	4.906.928	Ø 400 x 125	3.955.200	Ø 500 x 355	21.000.000	Ø 630 x 400	28.025.500		
Ø 315 x 63	1.730.792	Ø 400 x 140	3.950.000	Ø 500 x 400	19.889.200	Ø 630 x 450	31.500.000		
Ø 315 x 75	1.721.021	Ø 400 x 160	3.986.900	Ø 500 x 450	20.800.000	Ø 630 x 500	31.641.700		
Ø 315 x 90	1.719.600	Ø 400 x 200	4.100.000	Ø 560 x 110	22.601.300	Ø 710 x 110	36.000.000		
Ø 315 x 110	1.917.500	Ø 400 x 225	6.500.000	Ø 560 x 160	23.505.400	Ø 710 x 160	39.800.000		
Ø 315 x 125	2.574.700	Ø 400 x 250	5.369.000	Ø 500 x 315	18.081.000	Ø 710 x 200	43.700.000		
Ø 315 x 140	2.600.000	Ø 400 x 280	5.233.700	Ø 500 x 355	21.000.000	Ø 710 x 250	47.500.000		
Ø 315 x 160	2.233.136	Ø 400 x 315	5.533.700	Ø 500 x 400	19.889.200	Ø 710 x 315	53.000.000		
Ø 315 x 180	2.000.000	Ø 400 x 355	10.600.000	Ø 500 x 450	20.800.000	Ø 710 x 400	58.800.000		
Ø 315 x 200	2.367.589	Ø 450 x 110	9.040.600	Ø 560 x 110	22.601.300	Ø 710 x 500	64.600.000		
Ø 315 x 225	2.892.900	Ø 450 x 160	10.848.600	Ø 560 x 160	23.505.400	Ø 710 x 630	71.000.000		
Ø 315 x 250	2.847.779	Ø 450 x 200	11.300.600	Ø 560 x 200	25.313.400	Ø 800 x 110	45.500.000		
Ø 315 x 280	3.850.000	Ø 450 x 225	13.560.700	Ø 560 x 225	22.800.000	Ø 800 x 160	46.200.000		
Ø 355 x 90	2.916.600	Ø 450 x 250	13.560.700	Ø 560 x 250	27.121.600	Ø 800 x 200	49.500.000		
Ø 355 x 110	3.013.200	Ø 450 x 280	15.916.800	Ø 560 x 315	30.737.800	Ø 800 x 250	59.800.000		
Ø 355 x 125	3.900.000	Ø 450 x 315	14.916.800	Ø 560 x 355	28.000.000	Ø 800 x 315	71.900.000		
Ø 355 x 140	4.000.000	Ø 450 x 355	17.000.000	Ø 560 x 400	36.162.000	Ø 800 x 355	82.000.000		
Ø 355 x 160	3.285.664	Ø 450 x 400	18.081.000	Ø 560 x 450	30.300.000	Ø 800 x 400	85.800.000		
Ø 355 x 180	4.394.366	Ø 500 x 110	10.396.700	Ø 560 x 500	43.394.400	Ø 800 x 500	94.500.000		
Ø 355 x 200	3.763.824	Ø 500 x 125	11.200.000	Ø 630 x 110	20.793.100	Ø 800 x 630	97.300.000		
Ø 355 x 225	6.492.576	Ø 500 x 160	11.752.700	Ø 630 x 160	22.601.300	Ø 800 x 710	99.900.000		
Ø 355 x 250	5.684.700	Ø 500 x 200	13.560.700	Ø 630 x 200	23.505.400				
Ø 355 x 280	8.600.000	Ø 500 x 225	15.600.000	Ø 630 x 225	24.600.000				
Ø 355 x 315	8.351.312	Ø 500 x 250	14.464.800	Ø 630 x 250	24.409.300				

	TÊ GIẢM (Butt fusion Equal tee)		TÊ GIẢM (Butt fusion Equal tee)		TÊ GIẢM (Butt fusion Equal tee)				
Ø 400 x 90	11.890.304	Ø 500 x 280	18.000.000	Ø 630 x 315	27.121.600				
Ø 400 x 110	3.300.000	Ø 500 x 315	18.081.000	Ø 630 x 355	29.000.000				











BẢNG GIÁ HÀNG HÀN ĐỐI ĐẦU PN16

	Chếch 45 ⁰ (butt fusion Elbow45 ^o)		Cút 90 ⁰ (Butt fusion elbow 45 ^o)		Tê Đều (butt fusion equal tee)		Nút Bịt (butt fusion end cap)		Đầu Bích (butt fusion flange adapter)	
QUY CÁCH										
Ø 63mm	92.943	80.000	102.782	53.000	61.489					
Ø 75mm	153.672	136.995	183.045	110.000	105.000					
Ø 90mm	186.104	208.829	300.246	150.000	131.890					
Ø 110mm	293.675	300.000	450.000	220.000	200.000					
Ø 125mm	490.000	550.000	650.000	230.000	250.000					
Ø 140mm	900.000	700.000	850.000	280.000	360.000					
Ø 160mm	970.000	720.000	1.000.000	570.000	520.000					
Ø 180mm	1.320.000	1.080.000	1.680.234	880.000	700.000					
Ø 200mm	1.653.320	1.430.000	1.750.000	905.000	850.000					
Ø 225mm	2.050.000	2.050.000	2.800.000	1.130.000	1.150.000					
Ø 250mm	2.560.000	2.700.368	3.750.000	1.365.000	1.300.000					
Ø 280mm	3.900.000	3.650.000	5.865.420	1.950.000	1.600.000					
Ø 315mm	4.550.000	4.900.000	7.302.585	2.228.000	2.100.000					
Ø 355mm	6.000.000	11.500.000	14.000.000	4.000.000	2.900.000					
Ø 400mm	10.000.000	13.200.000	17.680.000	4.290.000	3.700.000					
Ø 450mm	14.440.000	26.500.000	31.280.000		4.425.000					
Ø 500mm	19.285.000	32.300.000	37.700.000		5.880.000					
Ø 560mm	31.300.000	41.000.000	52.650.000		9.050.000					
Ø 630mm	35.610.000	53.000.000	67.000.000		11.530.000					
Ø 710mm			77.000.000							
Ø 800mm			125.000.000							
	CÔN THU (Butt fusion reducer)		CÔN THU (Butt fusion reducer)		TÊ GIẢM (Butt fusion Equal tee)		TÊ GIẢM (Butt fusion Equal tee)		TÊ GIẢM (Butt fusion Equal tee)	
QUY CÁCH		QUY CÁCH		QUY CÁCH		QUY CÁCH		QUY CÁCH		
Ø 75 x 50	82.000	Ø 200 x 160	790.000	Ø 75 x 50	194.428	Ø 200 x 63	1.600.000	Ø 450 x 315	26.500.000	
Ø 75 x 63	92.624	Ø 200 x 180	813.000	Ø 75 x 63	197.480	Ø 200 x 75	1.660.000	Ø 450 x 400	32.000.000	
Ø 90 x 50	108.000	Ø 225 x 110	981.435	Ø 90 x 50	263.255	Ø 200 x 90	1.700.000	Ø 500 x 315	35.000.000	
Ø 90 x 63	118.000	Ø 225 x 160	1.000.246	Ø 90 x 63	273.255	Ø 200 x 110	1.820.000	Ø 500 x 400	41.000.000	
Ø 90 x 75	128.000	Ø 225 x 180	1.216.857	Ø 90 x 75	287.383	Ø 200 x 125	1.939.375	Ø 560 x 160	42.000.000	
Ø 110 x 50	168.000	Ø 225 x 200	1.245.122	Ø 110 x 50	374.200	Ø 200 x 140	1.965.686	Ø 560 x 250	42.000.000	
Ø 110 x 63	172.000	Ø 250 x 90	1.090.000	Ø 110 x 63	381.030	Ø 200 x 160	1.920.000	Ø 560 x 355	42.000.000	
Ø 110 x 75	185.000	Ø 250 x 110	1.090.000	Ø 110 x 75	395.040	Ø 225 x 90	2.360.000	Ø 560 x 400	50.000.000	
Ø 110 x 90	200.000	Ø 250 x 125	1.266.000	Ø 110 x 90	415.250	Ø 225 x 110	2.380.000	Ø 630 x 400	56.000.000	
Ø 125 x 63	245.000	Ø 250 x 160	1.290.000	Ø 125 x 63	540.000	Ø 225 x 160	2.410.000	Ø 630 x 500	66.000.000	
Ø 125 x 90	245.000	Ø 250 x 200	1.400.000	Ø 125 x 75	500.000	Ø 250 x 90	2.900.000			

	CÔN THU (Butt fusion reducer)		CÔN THU (Butt fusion reducer)		TÊ GIÂM (Butt fusion Equal tee)		TÊ GIÂM (Butt fusion Equal tee)		TÊ GIÂM (Butt fusion Equal tee)
Ø 125 x 110	285.000	Ø 250 x 225	1.645.000	Ø 125 x 90	306.400	Ø 250 x 110	3.190.000		
Ø 140 x 63	405.000	Ø 280 x 160	1.650.000	Ø 125 x 110	311.900	Ø 250 x 125	3.253.706		
Ø 140 x 90	405.000	Ø 280 x 180	1.800.000	Ø 140 x 63	590.000	Ø 250 x 160	3.190.000		
Ø 140 x 110	405.000	Ø 280 x 200	1.700.000	Ø 140 x 75	600.000	Ø 250 x 200	3.360.000		
Ø 160 x 63	360.000	Ø 280 x 225	1.900.000	Ø 140 x 90	800.000	Ø 280 x 110	4.480.000		
Ø 160 x 75	388.000	Ø 280 x 250	1.700.000	Ø 140 x 110	850.000	Ø 280 x 125	4.490.000		
Ø 160 x 90	404.160	Ø 315 x 110	1.770.000	Ø 140 x 125	870.000	Ø 280 x 160	4.700.000		
Ø 160 x 110	424.576	Ø 315 x 160	1.890.000	Ø 160 x 63	930.000	Ø 280 x 200	4.068.200		
Ø 160 x 125	470.000	Ø 315 x 200	1.900.000	Ø 160 x 75	980.000	Ø 280 x 225	5.160.000		
Ø 160 x 140	538.360	Ø 315 x 225	2.430.000	Ø 160 x 90	980.000	Ø 280 x 250	5.200.000		
Ø 180 x 90	520.000	Ø 315 x 250	2.440.000	Ø 160 x 110	1.020.000	Ø 315 x 90	4.500.000		
Ø 180 x 110	562.000	Ø 315 x 280	2.540.000	Ø 160 x 125	1.036.901	Ø 315 x 110	5.100.000		
Ø 180 x 125	580.000	Ø 400 x 200	3.900.000	Ø 180 x 90	1.450.000	Ø 315 x 125	5.200.000		
Ø 180 x 160	598.000	Ø 400 x 250	4.100.000	Ø 180 x 110	1.450.000	Ø 315 x 160	5.500.000		
Ø 200 x 63	604.450	Ø 400 x 315	4.300.000	Ø 180 x 160	1.580.000	Ø 315 x 225	7.000.000		
Ø 200 x 90	645.720	Ø 400 x 355	4.500.000			Ø 315 x 250	7.200.000		
Ø 200 x 110	672.656					Ø 400 x 315	17.500.000		
Ø 200 x 125	790.264								





BẢNG GIÁ HÀN LỒNG TRONG ÁP LỰC PN 16

	NÓI THĂNG	CO 45 ⁰	CO 90 ⁰	TÊ ĐỀU	NÚT BỊT	VAN BI	VAN CỬA
QUY CÁCH							
Ø 20mm	3.400	55.000	5.800	7.600	3.000	63.100	148.600
Ø 25mm	5.200	9.400	8.600	11.000	4.200	94.600	179.800
Ø 32mm	8.900	13.100	14.900	22.400	6.800	136.700	184.800
Ø 40mm	14.500	23.100	25.200	32.000	11.000	216.500	300.300
Ø 50mm	23.400	36.200	41.400	56.500	16.900	294.300	325.800
Ø 63mm	38.900	62.400	69.600	95.200	32.100	552.900	489.500
Ø 75mm	63.300	114.600	128.500	187.800	47.700	1.115.900	755.600
Ø 90mm	131.700	171.100	196.600	238.300	65.100	1.916.400	1.164.800
Ø 110mm	188.500	276.100	312.300	378.700	93.600	3.638.700	1.888.900
	NÓI REN NGOÀI	NÓI REN TRONG	CO 90 ⁰ REN NGOÀI	CO 90 ⁰ REN TRONG	TÊ REN TRONG	TÊ REN NGOÀI	
QUY CÁCH							
Ø 20 x 1/2"	52.500	46.600	59.500	51.800	54.300	67.300	
Ø 25 x 1/2"	56.900	49.200	69.900	56.900	62.100	72.500	
Ø 25 x 3/4"	75.000	69.900	80.200	67.300	77.600	82.800	
Ø 32 x 3/4"	77.600	72.500	88.000	77.600	82.800	93.200	
Ø 32 x 1"	129.400	108.700	134.600	119.000	130.400	137.100	
Ø 40 x 1.1/4"	207.000	155.300	351.000	319.100	319.100	351.000	

QUY CÁCH		NÓI REN NGOÀI	NÓI REN TRONG	CO 90 ⁰ REN NGOÀI	CO 90 ⁰ REN TRONG	TÊ REN TRONG	TÊ REN NGOÀI		
Ø 50 x 1.1/2"		248.400	217.400	494.600	446.800	462.700	494.600		
Ø 63 x 2"		517.500	426.900	734.000	622.300	670.200	734.000		
Ø 75 x 2.1/2"		1.116.900	957.400						
Φ 90x3"		1.691.400	1.531.800						
Φ 110x4"		2.138.100	2.042.400						
Quy cách	Côn thu	Quy cách	Côn thu	Quy cách	Côn thu	Quy cách	Côn thu	Quy cách	Côn thu
									
S25-20	6.300	S50-20	20.700	S63-32	38.500	S75-50	63.900	S110-40	134.200
S32-20	9.100	S50-25	21.300	S63-40	38.500	S75-63	66.000	S110-50	164.900
S32-25	9.400	S50-32	21.300	S63-50	38.800	S90-40	98.100	S110-63	169.200
S40-20	13.800	S50-40	23.200	S75-25	60.300	S90-50	98.100	S110-75	169.200
S40-25	13.800	S63-20	37.600	S75-32	60.300	S90-63	102.100	S110-90	179.900
S40-32	13.800	S63-25	38.300	S75-40	61.100	S90-75	107.400		
Quy cách	Tê thu	Quy cách	Tê thu	Quy cách	Tê thu	Quy cách	Tê thu	Quy cách	Tê thu
									
T25-20	12.200	T50-25	37.300	T63-50	79.300	T90-32	156.600	T110-50	288.000
T32-20	16.600	T50-32	41.400	T75-20	97.000	T90-40	176.700	T110-63	306.600
T32-25	19.500	T50-40	50.800	T75-25	104.500	T90-50	186.700	T110-75	325.800
T40-20	23.500	T63-20	57.100	T75-32	108.500	T90-63	202.300	T110-90	365.100
T40-25	24.100	T63-25	57.100	T75-40	123.100	T90-75	252.200		
T40-32	30.400	T63-32	66.100	T75-50	134.200	T110-32	270.800		
T50-20	33.600	T63-40	68.300	T75-63	156.600	T110-40	288.000		

BẢNG GIÁ HÀN ĐIỆN TRỞ ÁP LỰC PN 16

QUY CÁCH	Nối thẳng	Cút 90 ⁰	Chếch 45 ⁰	Tê Đều	Nút Bịt	Đầu bích
Ø 25mm	62.000					
Ø 32mm	66.000	90.000		124.000		
Ø 40mm	70.000	96.000		130.000		
Ø 50mm	78.000	102.000	94.000	138.000	90.000	90.000
Ø 63mm	86.000	118.000	114.000	156.000		106.000
Ø 75mm	130.000	172.000	156.000	202.000	226.000	170.000
Ø 90mm	172.000	248.000	264.000	326.000		218.000
Ø 110mm	236.000	372.000	356.000	442.000	294.000	310.000
Ø 125mm	310.000	588.000	588.000	666.000		388.000
Ø 140mm	380.000	712.000	682.000	868.000		480.000
Ø 160mm	420.000	790.000	712.000	990.000	420.000	526.000
Ø 200mm	698.000	1.346.000	1.286.000	1.594.000		744.000
Ø 225mm	868.000	2.676.000	2.320.000	2.816.000		1.052.000
Ø 250mm	1.084.000	2.784.000	2.600.000	3.296.000		1.130.000
Ø 280mm	1.548.000					1.532.000
Ø 315mm	1.826.000	6.370.000	4.176.000	6.188.000		1.626.000
Ø 355mm	2.552.000	7.734.000		7.734.000		2.784.000
Ø 400mm	2.940.000	9.280.000		10.518.000		3.356.000
Ø 450mm	5.214.000					4.640.000
Ø 500mm	5.680.000	13.240.000		15.590.000		6.020.000
Ø 560mm	10.024.000					7.270.000
Ø 630mm	10.830.000					7.734.000

	NÓI GIẢM	TÊ GIẢM		NÓI GIẢM	TÊ GIẢM		NÓI GIẢM	TÊ GIẢM
QUY CÁCH			QUY CÁCH			QUY CÁCH		
Ø 32 x 25mm	78.000	122.000	Ø 160 x 50	620.000	820.000	Ø 315 x 160	2.312.000	5.878.000
Ø 40 x 25mm		126.000	Ø 160 x 63	636.000	840.000	Ø 315 x 200	2.340.000	6.032.000
Ø 40 x 32mm	80.000	130.000	Ø 160 x 75	650.000	856.000	Ø 315 x 250	2.476.000	7.424.000
Ø 50 x 32mm	94.000	136.000	Ø 160 x 90	670.000	864.000	Ø 355 x 110		7.734.000
Ø 50 x 40mm	100.000	140.000	Ø 160 x 110	680.000	882.000	Ø 355 x 160		7.740.000
Ø 63 x 32mm	104.000	148.000	Ø 160 x 125	700.000	890.000	Ø 355 x 200		7.888.000
Ø 63 x 40mm		152.000	Ø 200 x 50	1.006.000	1.268.000	Ø 355 x 250		7.910.000
Ø 63 x 50mm	110.000	164.000	Ø 200 x 63	1.020.000	1.280.000	Ø 355 x 315		8.506.000
Ø 75 x 40mm		172.000	Ø 200 x 75	1.040.000	1.290.000	Ø 400 x 110		8.520.000
Ø 75 x 50mm	132.000	176.000	Ø 200 x 90	1.070.000	1.300.000	Ø 400 x 125		8.530.000
Ø 75 x 63mm	136.000	180.000	Ø 200 x 110	1.080.000	1.500.000	Ø 400 x 160		8.540.000
Ø 90 x 50mm	170.000	280.000	Ø 200 x 125	1.096.000	1.516.000	Ø 400 x 200		8.556.000
Ø 90 x 63mm	176.000	290.000	Ø 200 x 160	1.110.000	1.524.000	Ø 400 x 250		10.054.000
Ø 90 x 75mm	186.000	300.000	Ø 225 x 110	1.316.000	2.630.000	Ø 400 x 315		10.100.000
Ø 110 x 50mm	234.000	372.000	Ø 225 x 160	1.320.000	2.660.000	Ø 500 x 110		11.754.000
Ø 110 x 63mm	248.000	378.000	Ø 250 x 90		2.640.000	Ø 500 x 160		11.910.000
Ø 110 x 75mm	254.000	390.000	Ø 250 x 110	1.516.000	2.658.000	Ø 500 x 200		12.064.000
Ø 110 x 90mm	264.000	404.000	Ø 250 x 125		2.670.000	Ø 500 x 250		12.218.000
Ø 125 x 75mm	388.000	620.000	Ø 250 x 160	1.524.000	3.094.000	Ø 500 x 315		13.116.000
Ø 125 x 90mm	400.000	650.000	Ø 250 x 200	1.540.000	3.900.000	Ø 500 x 400		13.904.000
Ø 125 x 110mm	410.000	660.000	Ø 315 x 110		5.260.000	Ø 500 x 450		14.672.000
Ø 140 x 110mm	434.000	852.000	Ø 315 x 125		5.414.000			

Ghi chú :

Vận chuyển miễn phí trong nội thành TP.HCM với những đơn hàng trên 3 triệu